

Bản án số: 161/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang

Ông Nguyễn Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: ông Lê Hiền Đạt- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 148/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Lê Thanh H**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: chị **Mai Thị Cẩm N**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N: luật sư **Nguyễn Khắc H1** thuộc văn phòng Luật sư Nguyễn Khắc H1, Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2026 nguyên đơn anh Lê Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: qua quen biết anh H và chị N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào

ngày 29/5/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2020. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay không hàn gắn được, tuy nhiên vợ chồng vẫn sống chung nhà.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống và cả trong sinh hoạt vợ chồng làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều bất hòa làm vợ chồng không hạnh phúc, anh H nhiều lần nói chuyện với chị N về những bất hòa này nhưng không thay đổi được. Đến nay, anh H xác định không còn tình cảm với chị N nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có hai người con chung tên Lê Mai Tố L, sinh ngày 12/02/2015 và cháu Lê Mai Tuấn M, sinh ngày 13/10/2020. Hiện nay hai cháu đang sống với anh H và chị N.

Anh H và chị N có hai người con chung nên khi ly hôn anh H đề nghị mỗi người nuôi một con chung cho hài hòa, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Mai Tuấn M, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, anh H đồng ý giao cháu Lê Mai Tố L cho chị N nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Anh H làm nghề hớt tóc, thu nhập gần 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) mỗi tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi dạy cháu Lê Mai Tuấn M, đồng thời anh H sẽ tạo điều kiện cho hai bé gặp gỡ, vui chơi với nhau và cả chị N, sẽ quan tâm, chăm sóc cháu Lê Mai Tố L như trước kia không thay đổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Mai Thị Cẩm N trình bày:

Về hôn nhân: chị N thống nhất với anh H do quen biết nên chị N, anh H tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 29/5/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay không hàn gắn được do vợ chồng không quan tâm, chia sẻ với nhau từ những việc trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không còn hợp nhau, ít nói chuyện nên ngày càng xa cách, vợ chồng không hiểu được tính ý nhau dẫn đến mâu thuẫn. Vợ chồng thỏa thuận thu nhập của ai người đó tiêu xài, không còn quan tâm nhau, không còn hạnh phúc và không còn chăm sóc nhau như trước kia. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có hai người con chung tên Lê Mai Tố L, sinh ngày 12/02/2015 và cháu Lê Mai Tuấn M, sinh ngày 13/10/2020. Hiện nay hai cháu đang sống chung với chị N và anh H.

Do hai cháu gắn bó từ nhỏ nên chị N không muốn hai bé bị chia cắt nên khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị N là giáo viên, thu nhập trên 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) mỗi tháng nên đảm bảo nuôi dạy tốt hai con chung. Hằng ngày hai cháu quấn quýt với chị N nhiều hơn anh H, chị N cũng là người trực tiếp chăm sóc, đưa rước và dạy dỗ các cháu trong thời gian qua.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2026, cháu Lê Mai Tố L trình bày:*

Cháu là con của ruột của anh Lê Thanh H và chị Mai Thị Cẩm N. Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là Mai Thị Cẩm N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Lê Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trong trường hợp Tòa án giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng thì anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu chị N không đủ khả năng nuôi hai con thì giao lại anh H nuôi dưỡng hai con, anh H sẽ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh H khẳng định anh H có công việc và thu nhập ổn định, anh H còn có người chị ruột ở chung nhà phụ anh H chăm sóc cháu Tuấn M nên anh H có đủ điều kiện và khả năng nuôi dạy tốt cho cháu Tuấn M nên yêu cầu Tòa án giao cháu Tuấn M cho anh H nuôi dưỡng.

Bị đơn chị Mai Thị Cẩm N giữ nguyên ý kiến trình bày, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung vì có điều kiện vật chất và tinh thần tốt nhất để nuôi dạy hai con. Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi bé 2.070.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi hai bé mỗi tháng 4.140.000 đồng. Trong trường hợp Tòa án giao mỗi người nuôi một con chung thì chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, chị N cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N trình bày: nguyện vọng của cháu Tố L được sống chung với mẹ là chị N và em trai là cháu Tuấn M. Chị N là người chăm sóc các bé từ nhỏ và đưa rước các bé đi học. Trong sinh hoạt hàng ngày chị N và hai con chung sinh hoạt gắn bó không thể tách rời. Chị N là giáo viên, có thu nhập ổn định, có nhiều thành tích trong công tác, có khả năng nuôi dạy tốt cho hai con chung hơn anh H, đồng thời chị N cũng đã có kế hoạch sinh hoạt và nuôi dạy tốt cho hai con chung sau này. Về tài sản riêng, chị N được cha mẹ tặng cho một thửa đất là tài sản riêng của chị N, diện tích 233,4m². Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị N được nuôi dưỡng hai con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ theo quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: cho anh Lê Thanh H được ly hôn với chị Mai Thị Cẩm N.

Về con chung: giao con chung tên Lê Mai Tố L, sinh ngày 12/02/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Mai Tuấn M, sinh ngày 13/10/2020 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Thanh H và chị Mai Thị Cẩm N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H, chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này.

Xét tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Lê Thanh H nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: căn cứ Trích lục kết hôn số 192/2026/TLKH-BS ngày 07/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Thanh H và chị Mai Thị Cẩm N là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh H thì sau khi cưới nhau anh H và chị N cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống và

cả trong sinh hoạt vợ chồng làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều bất hòa làm vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Tại đơn xin ly hôn anh H trình bày hiện anh H không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N trình bày từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến nay không hàn gắn được do vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, ít nói chuyện, không chia sẻ với nhau những việc trong cuộc sống hàng ngày, mạnh ai nấy sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý ly hôn với anh H.

Xét thấy, anh H và chị N đều trình bày thống nhất là mối quan hệ hôn nhân của anh chị đã không thể hàn gắn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: anh H và chị N cùng trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Lê Mai Tố L, sinh ngày 12/02/2015 và cháu Lê Mai Tuấn M, sinh ngày 13/10/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Lê Mai Tố L trình bày có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, phía chị N cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Mai Tố L và anh H cũng đồng ý giao cháu Lê Mai Tố L cho chị N nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Mai Tố L của chị N. Giao cháu Lê Mai Tố L cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với cháu Lê Mai Tuấn M, sinh ngày 13/10/2020. Khi ly hôn, anh H và chị N đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M. Xét thấy, về khả năng nuôi dạy cháu Lê Mai Tuấn M thì anh H và chị N đều có khả năng như nhau. Tại phiên tòa, chị N trình bày sẽ thuê trọ sinh sống sau khi ly hôn, với thu nhập của chị N là 13.400.000đ/tháng thì việc đảm bảo lo được cho hai cháu là rất khó khăn vì chị N trình bày mỗi tháng chi phí sinh hoạt mỗi cháu khoảng 4.000.000 đồng, nếu nuôi dưỡng 02 cháu chi phí khoảng 8.000.000 đồng, chị N lại phải ở nhà trọ mỗi tháng hơn 1.200.000 đồng, chưa kể đến chi phí sinh hoạt riêng của chị N. Đối với anh H cho rằng thu nhập từ nghề hót tóc gần 20.000.000đ/tháng, tuy anh H không có chứng cứ để chứng minh thu nhập nhưng tại phiên tòa chị N đã đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi bé 4.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hai bé là 8.000.000đ/tháng, điều này chứng minh chị N cũng thừa nhận mức thu nhập này của anh H nên mới đề nghị mức cấp dưỡng này. Ngoài ra, xét về mặt thời gian thì công việc của anh H làm nghề hót tóc sẽ chủ động thời gian hơn trong việc đưa đón, chăm sóc cháu M, ngược lại chị N có thời gian cố định với công việc giáo viên và chị N còn phải lo cho cháu Tố L nên về mặt thời gian để chăm sóc

tốt cho hai con chung của chị N sẽ bị hạn chế nên cần thiết giao mỗi người nuôi một con chung để đảm bảo về khả năng kinh tế cũng như thời gian chăm sóc cho các con sẽ tốt hơn. Hơn nữa, cả cháu Tổ L và cháu Tuấn M đã sinh sống gắn bó với anh H và chị N từ nhỏ nên việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng sẽ không làm xáo trộn tâm lý của các con chung. Do chị N đã được nuôi dưỡng cháu Lê Mai Tổ L nên cần thiết giao cháu Lê Mai Tuấn M cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp và cũng để đảm bảo quyền lợi cho cả hai con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Lê Thanh H, giao cháu Lê Mai Tuấn M cho anh Lê Thanh H nuôi dưỡng, giáo dục. Không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Mai Tuấn M của chị Mai Thị Cẩm N.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Thanh H và chị Mai Thị Cẩm N đều không yêu cầu Tòa án xem xét việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: anh H và chị N cùng thống nhất trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: anh H và chị N cùng thống nhất trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Lê Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh H

1. Về hôn nhân: anh Lê Thanh H được ly hôn với chị Mai Thị Cẩm N.

2. Về con chung: giao con chung tên Lê Mai Tuấn M, sinh ngày 13/10/2020 cho anh Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Mai Tổ L, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Mai Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Thanh H không yêu cầu chị Mai Thị Cẩm N cấp dưỡng nuôi con chung, chị Mai Thị Cẩm N cũng không yêu cầu anh Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: anh Lê Thanh H và chị Mai Thị Cẩm N thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Lê Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007040 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

Ngô Thị Ngọc Trinh

